

Bản án số: 645/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22/5/2023

V/v tranh chấp: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Quốc Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

2. Bà Võ Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Lê Quỳnh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Lê Thị Thu Phụng

Ngày 22 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1462/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 137/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số 818/1/12 đường N, Phường I, quận G, Thành phố Z (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tiến L, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số 818/1/12 đường N, Phường I, quận G, Thành phố Z (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, biên bản làm việc, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H đã trình bày ý kiến và yêu cầu như sau: Bà và ông Nguyễn Tiến L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân Phường I, quận G, Thành phố Z. Thời gian chung sống hai bên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do đôi bên không hợp nhau về tính tình, suy nghĩ lẫn cách sống, hai bên có cuộc sống riêng không quan tâm

chăm sóc lẫn nhau. Nay cảm thấy hạnh phúc không còn nên bà yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Tiến L.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông Nguyễn Tiến L có 02 người con chung tên: Nguyễn Ngọc Phương TH, sinh ngày 27/12/2014 và Nguyễn Tiến D, sinh ngày 24/11/2016. Sau khi ly hôn bà H đề nghị được quyền nuôi con tên Nguyễn Ngọc Phương TH, và giao con tên Nguyễn Tiến D cho ông L nuôi dưỡng. Hai bên không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa giải quyết

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng gồm, thông báo thụ lý, giấy triệu tập đương sự, thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật; tuy nhiên ông Nguyễn Tiến L vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày cũng như yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án nhân dân quận Gò Vấp thụ lý giải quyết vụ án theo đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Đảm bảo vụ án được đưa ra xét xử theo thời gian luật định quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự cụ thể: đã thụ lý đúng thẩm quyền, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tổng đạt cho các đương sự các văn bản tố tụng, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt cho Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp theo đúng quy định tại các Điều 208, Điều 175, Điều 177, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn năm 2012, xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Tiến L là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Bà H và ông L chung sống không hạnh phúc. Nay bà H yêu cầu ly hôn, yêu cầu được nuôi con tên Nguyễn Ngọc Phương TH, sinh ngày 27/12/2014 và giao con tên Nguyễn Tiến D, sinh ngày 24/11/2016 cho ông L nuôi dưỡng. Căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của bà H; Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Phương TH, sinh ngày 27/12/2014 cho bà H nuôi dưỡng và giao con tên Nguyễn Tiến Dũng, sinh ngày 24/11/2016 cho ông L nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông L và bà H do các bên không có yêu cầu; Về tài sản chung,

nợ chung: Bà H không yêu cầu giải quyết; Về án phí: giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Tiến L do cuộc sống gia đình không được hạnh phúc. Ông L cư trú tại địa chỉ: Số 818/1/12 đường N, Phường I, quận G, Thành phố Z theo giấy xác nhận ngày 22/02/2023 của Công an Phường 3, quận Gò Vấp. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự: Ông Nguyễn Tiến L đã được Tòa án nhân dân quận Gò Vấp tổng đạt, niêm yết giấy triệu tập đương sự, thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về kết quả việc kiểm tra giao nộp chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo khoản 1, khoản 2 Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông L vắng mặt không lý do. Bà H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Căn cứ quy định Điều 227; Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Tiến L và bà Nguyễn Thị H.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn: Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Tiến L; Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa bà H và ông L là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận theo giấy chứng nhận kết hôn số 198/2012 quyền số 01/2012 ngày 29/08/2012 của Ủy ban nhân dân Phường I, quận G, Thành phố Z.

[3] Căn cứ lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy; cuộc sống vợ chồng giữa bà H và ông L có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, suy nghĩ lẫn cách sống, giữa bà H và ông L không có tiếng nói chung, mỗi người một cuộc sống riêng, không ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau dẫn đến cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc. Mặt khác từ khi thụ lý vụ án, Tòa án cũng đã nhiều lần hòa giải cho các bên để có thể hàn gắn những mâu thuẫn trong gia đình nhưng ông L đều vắng mặt không có lý do. Qua đó cho thấy ông L cũng không thể hiện ý chí đoàn tụ cùng bà H để cùng nhau có cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông L không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm

2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của bà Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn Tiến L.

[4] Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống bà H và ông L có 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc Phương TH, sinh ngày 27/12/2014 và Nguyễn Tiến D, sinh ngày 24/11/2016. Hội đồng xét xử xét thấy theo kết quả trả lời xác minh về tình trạng nuôi con của Hội liên hiệp phụ nữ Phường 3 quận Gò Vấp thì hiện nay trẻ Nguyễn Tiến D đang sinh sống cùng ông L, trẻ Nguyễn Ngọc Phương TH đang sinh sống cùng với bà H. Để tránh đi sự xáo trộn về cuộc sống của các trẻ, đồng thời theo nguyện vọng của trẻ Nguyễn Ngọc Phương TH muốn được sống cùng với bà H nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H. Giao con tên Nguyễn Tiến D, sinh ngày 24/11/2016 cho ông L nuôi dưỡng và giao con tên Nguyễn Ngọc Phương TH, sinh ngày 27/12/2014 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Do bà H và ông L không có yêu cầu về cấp dưỡng nên Hội đồng miễn xét

[5] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị H không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H;

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1989 được ly hôn với ông Nguyễn Tiến L, sinh năm 1984.

Giấy chứng nhận kết hôn số 198/2012 quyển số 01/2012 ngày 29/8/2012 của Ủy ban nhân dân Phường I, quận G, Thành phố Z cấp cho bà H và ông L không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Phương TH, sinh ngày 27/12/2014 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao

con chung tên Nguyễn Tiến D, sinh ngày 24/11/2016 cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà H và ông L do các bên không có yêu cầu.

Bà H và ông L được quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết hoặc khi có lý do chính đáng một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0049373 ngày 12/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP HCM;
- VKSND Quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS Quận Gò Vấp;
- UBND Phường 3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Quốc Việt

